

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026

Thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU, ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 103-KH/ĐU, ngày 17/4/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045;

Để triển khai đồng bộ, quyết liệt, thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; UBND xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế 02 con số năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 thành các chỉ tiêu ngành, lĩnh vực; nội dung nhiệm vụ, công việc được đầy đủ, cụ thể theo yêu cầu “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền” phù hợp với đặc điểm nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, theo từng quý trong năm 2026.

- Kế hoạch là cơ sở để UBND xã tổ chức chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đánh giá việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh giải pháp trong quá trình thực hiện; thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực tế; kịp thời cập nhật kịch bản tăng trưởng và đề ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đạt 2 con số với kết quả cao nhất.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị của xã trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2026.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 trên cơ sở phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế của địa phương. Theo dõi, nắm bắt tình hình chung của tỉnh, xã; chủ động có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả với những biến động và vấn đề mới phát sinh.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động tổ chức thực hiện; đề xuất các giải pháp cụ thể, trọng tâm, trọng điểm, có tính đột phá; phân công rõ tập thể, cá nhân chủ trì theo dõi triển khai thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả; tăng cường phối hợp, thường xuyên theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

- Kết quả thực hiện của Kế hoạch là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong năm 2026.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG 9 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Năm 2026, là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2026-2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Tuy nhiên, năm 2026 dự báo vẫn còn nhiều khó khăn. Tình hình thế giới dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro; chi phí nguyên vật liệu tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp sản xuất, kinh doanh. Trong tình thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ bên ngoài; các vấn đề an ninh, dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục ảnh hưởng nặng nề đến điều hành kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở kết quả thực hiện Quý I năm 2026, mục tiêu tăng trưởng năm 2026 và khả năng phát triển của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn, UBND xã xây dựng kịch bản: tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn năm 2026 dự kiến đạt 1.746.129 triệu đồng, tăng 10,04% so với năm 2025. Để đạt được mục tiêu này, tổng giá trị sản phẩm trong 9 tháng cuối năm phải đạt khoảng 1.396.902 triệu đồng, với mức tăng trưởng bình quân các quý từ 10,04% trở lên, trong đó các quý cuối năm đóng vai trò quyết định, UBND xã xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế của 9 tháng cuối năm 2026 như sau:

1. Kịch bản phấn đấu tăng trưởng kinh tế đạt 10,04% năm 2026:

- Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm: 10,04%.
- Thu nhập bình quân đầu người: 55,2 triệu đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 853,663 tỷ đồng.
- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 66,910 tỷ đồng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng: 549,448 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Định hướng điều hành theo kịch bản

- Quý II/2026: Tăng tốc sản xuất, tăng thu ngân sách, đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư, tạo khối lượng thực hiện và giá trị gia tăng ban đầu, làm cơ sở cho tăng trưởng các quý tiếp theo.

- Quý III/2026: Bù tăng trưởng, đẩy mạnh an sinh xã hội, bảo vệ rừng, phòng chống thiên tai; tổ chức tăng tốc hoạt động sản xuất, kinh doanh; đẩy mạnh thi công các công trình xây dựng, đồng thời thúc đẩy các hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển đồng bộ, qua đó nâng cao giá trị sản xuất trên địa bàn

- Quý IV/2026: Tập trung bứt phá, hoàn thành các công trình, dự án theo kế hoạch; gia tăng sản lượng sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng cuối năm, gắn với việc tăng thu ngân sách, bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 đã đề ra.

III. YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC ĐỂ ĐẠT KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG 9 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì tốc độ tăng trưởng với mức tăng năm 2026 khoảng 3,93%, đây là khu vực có vai trò nền tảng, bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống Nhân dân và góp phần cân đối chung của nền kinh tế địa phương.

- Khu vực nông, lâm nghiệp của xã tiếp tục giữ vai trò ổn định, nâng cao hiệu quả và từng bước chuyển dịch cơ cấu phù hợp với quá trình phát triển trên địa bàn xã; có ý nghĩa quan trọng trong bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống người dân và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế địa phương trong dài hạn.

- Trong 9 tháng cuối năm, sản xuất nông nghiệp được tổ chức theo mùa vụ, trong đó quý II tập trung chăm sóc, thu hoạch vụ Đông Xuân và chuẩn bị sản xuất vụ Hè Thu; quý III duy trì sản xuất ổn định và triển khai vụ mới; quý IV tập trung thu hoạch, gia tăng sản lượng và giá trị sản xuất; đồng thời tiếp tục triển khai các định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, từng bước gắn với ứng dụng khoa học kỹ thuật, sản xuất an toàn và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

2. Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng

- Tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực công nghiệp - xây dựng năm 2026 đạt 12,45%. Được xác định là động lực tăng trưởng chủ yếu, đóng vai trò quyết định trong việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026 của địa phương.

- Tăng trưởng ngành công nghiệp được xây dựng trên cơ sở duy trì ổn định hoạt động sản xuất hiện có; tăng trưởng của ngành xây dựng phụ thuộc lớn vào tiến độ triển khai các dự án, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng, giải ngân vốn đầu tư công và tổ chức thi công các dự án hạ tầng kỹ thuật trọng điểm.

- Đẩy mạnh sản lượng sản xuất gắn với nhu cầu thị trường. Trong đó, các nhóm ngành chế biến thực phẩm, đồ uống, dược phẩm và hàng tiêu dùng được ưu tiên gia tăng quy mô để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ. Đồng thời, nhóm ngành cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng cũng được tập trung gia tăng sản lượng nhằm phục vụ kịp thời cho các dự án hạ tầng, khu dân cư và các công trình đầu tư công trọng điểm đã được đẩy mạnh từ đầu quý I.

- Tập trung phối hợp với Ban quản lý ĐTXD Tuy An triển khai thực hiện các danh mục đầu tư công đã có chủ trương gồm có 10 công trình¹. Đồng thời phối hợp giải phóng mặt bằng cho 01² công trình nhằm kết nối hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho khu vực sản xuất, đảm bảo giao thông thông suốt phục vụ vận chuyển nông sản.

3. Lĩnh vực dịch vụ

¹ Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ U hòn định đến Soi Tân Lập và giáp thôn Tân Long; Bê tông tuyến đường liên thôn từ nhà ông Lân đến Cầu đội 1 thôn Tân Hòa, xã Xuân Sơn Nam (cũ); Nâng cấp bê tông đường giao thông từ trạm nước sạch thôn Tân An đến thôn Tân Phú, xã Xuân Sơn Nam (cũ); Xây dựng tuyến đường giao thông dân sinh từ Cầu La Hai đến cuối khu dân cư thôn Long An (trong đường sắt); Đường giao thông đoạn từ Bầu Đình, thôn Long Thăng đến giáp đường La Hai – Đồng Hội; Đường nội đồng đoạn từ thửa đất ông Phan Tiến Dũng đến thửa đất ông Phan Sau, thôn Long Châu; Xây dựng mới tuyến đường QH N9 nối Bầu Sen Long Thăng với Đường Trường Chinh; Lát đan vỉa hè đoạn từ vòng xoay Long Thăng đến Nhà Thi đấu Đa năng; Lát đan vỉa hè Đường Trần Hưng Đạo (từ Cầu La Hai đến bến xe La Hai); Lát đan vỉa hè Đường Nguyễn Huệ (từ ngã tư đường Nguyễn Hào Sứ - Nguyễn Huệ đến đường Lương Văn Chánh)

² Nối dài đường Trần Cao Vân đến Trường THCS Phan Lưu Thanh và mở rộng nút giao thông đường Phan Trọng Đường - Trần Cao Vân

Năm 2026, khu vực dịch vụ ước đạt khoảng 167.537 triệu đồng, chiếm khoảng 35,68% cơ cấu kinh tế, tăng khoảng 9,86% so với năm 2025, tiếp tục giữ vai trò ổn định và hỗ trợ tăng trưởng chung.

Trên địa bàn xã, với lợi thế là địa bàn tập trung đa số các hệ thống Siêu thị CoopFod, Bách hóa xanh... cùng với mạng lưới chợ truyền thống đang hoạt động rất hiệu quả. Lĩnh vực bán buôn, bán lẻ tiếp tục là động lực chính của khu vực dịch vụ. Hoạt động thương mại - dịch vụ duy trì xu hướng tăng trưởng khá trong quý II với nhu cầu chủ yếu về tiêu dùng, vật liệu xây dựng, xăng dầu và hàng hóa phục vụ sản xuất. Bước sang Quý III, địa phương tập trung thực hiện giai đoạn bứt phá nhằm tối đa hóa đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung. Trọng tâm sẽ chuyển sang thúc đẩy lưu thông hàng hóa, kích cầu tiêu dùng nội địa và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Việc đẩy mạnh các hoạt động thương mại, dịch vụ vận tải và cung ứng tiêu dùng sẽ tạo đà tăng trưởng bền vững, góp phần gia tăng giá trị ngành dịch vụ và nguồn thu ngân sách, tạo tiền đề duy trì nhịp độ phát triển ổn định cho những tháng cuối năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026, UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị và các tổ chức triển khai thực hiện theo nguyên tắc “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền*”; cụ thể hóa các nhiệm vụ và kịch bản chi tiết theo từng khu vực kinh tế, ngành, lĩnh vực, tiến độ các dự án và dự kiến thu ngân sách tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch, xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết theo từng tháng, từng quý, gắn với kết quả đầu ra cụ thể; chủ động theo dõi, đánh giá, kịp thời đề xuất điều chỉnh khi có phát sinh.

2. Phòng Kinh tế là cơ quan đầu mối, tham mưu UBND xã tổ chức triển khai, theo dõi và điều hành kịch bản tăng trưởng chung theo từng quý; mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu; tham mưu điều chỉnh kịch bản khi cần thiết thực hiện các báo cáo định kỳ, đột xuất phục vụ UBND xã và cấp trên theo quy định.

Trực tiếp phụ trách lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản (khu vực I), công nghiệp - xây dựng (khu vực II) và một số ngành dịch vụ thuộc khu vực III như: thương mại, vận tải, hộ kinh doanh... Sản phẩm là mức tăng trưởng khu vực I, II và các ngành dịch vụ thuộc phạm vi phụ trách theo từng quý; diện tích, sản lượng nông, lâm, thủy sản; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng; tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án; tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu vận tải, tài chính - ngân hàng, bất động sản, hoạt động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn và các chỉ tiêu kinh tế liên quan các ngành nêu trên.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực dịch vụ (khu vực III) đối với các ngành: lưu trú và ăn uống, thông tin - truyền thông, hoạt động chuyên môn, khoa học, giáo dục - đào tạo, y tế và trợ giúp xã hội, văn hóa, thể thao, giải trí, dịch vụ khác.

Chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động kích cầu tiêu dùng, phát triển dịch vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ và đời sống Nhân dân; phối hợp triển khai chuyển đổi số, thúc đẩy các hoạt động thương mại, dịch vụ gắn với nhu cầu tiêu dùng và

4. Văn phòng HĐND và UBND xã chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện của các cơ quan, đơn vị; tham mưu công tác chỉ đạo, điều hành của UBND xã; bảo đảm chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ. Trực tiếp theo dõi các ngành thuộc khu vực dịch vụ gồm: hành chính và dịch vụ hỗ trợ, hoạt động Đảng, Nhà nước.

5. Trung tâm Phục vụ Hành chính công chịu trách nhiệm nâng cao chất lượng phục vụ, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, kinh doanh; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận dịch vụ công. Sản phẩm là tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và số lượng hồ sơ được xử lý đúng tiến độ.

6. Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã xây dựng chuyên mục truyền thông, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền về mục tiêu tăng trưởng “hai con số” nhằm phổ biến kịp thời đến người dân và doanh nghiệp trên địa bàn xã.

7. Trạm Y tế, các cơ sở giáo dục và các đơn vị sự nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn; bảo đảm chất lượng dịch vụ công, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và an sinh xã hội; đồng thời phối hợp cung cấp thông tin, số liệu thuộc lĩnh vực phụ trách.

8. Các thôn phối hợp chịu trách nhiệm phối hợp triển khai kích bản tăng trưởng tại địa bàn; nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh, đời sống Nhân dân; tuyên truyền, vận động người dân, hộ kinh doanh chấp hành chủ trương, chính sách; chủ động rà soát, cung cấp thông tin thực tế, phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

Trên đây là nội dung Kế hoạch triển khai kịch bản điều hành nền kinh tế 9 tháng cuối năm trên địa bàn xã Đồng Xuân nhằm bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2026 đạt 10,04% trở lên. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các cơ quan, đơn vị, khu phố triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp với tình hình thực tế tại xã cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các phòng, trung tâm thuộc xã chủ động báo cáo và đề xuất với UBND xã (thông qua Phòng Kinh tế) để xem xét, điều chỉnh. / *thlmc*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Đảng ủy (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Tuấn Ân



Phụ lục
Kịch bản tăng trưởng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	KH năm 2026	Kịch bản tăng trưởng năm 2026						Tốc độ tăng trưởng năm 2026 (%)
					Quý 1	Quý 2	06 tháng	Quý 3	09 tháng	Quý 4	
1	Tổng giá trị sản phẩm (giá ss 2010)	Triệu đồng	1.586.808	1.746.129	349.227	436.533	785.760	471.455	1.257.215	488.914	10,04
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Triệu đồng	283.005	294.118	58.824	73.530	132.354	79.412	211.766	82.352	3,93
-	Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng	759.135	853.663	170.733	213.416	384.149	230.489	614.638	239.025	12,45
-	Dịch vụ	Triệu đồng	544.668	598.348	119.670	149.587	269.257	161.554	430.811	167.537	9,86

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	KH năm 2026	Kịch bản tăng trưởng năm 2026						Tốc độ tăng trưởng năm 2026 (%)	Cơ cấu kinh tế (%)
					Quý 1	Quý 2	06 tháng	Quý 3	09 tháng	Quý 4		
1	Tổng giá trị sản phẩm (giá HH)	Triệu đồng	2.736.965	3.006.973	343.650	740.000	1.083.650	882.000	1.965.650	1.041.323	10,04	
-	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Triệu đồng	533.059	553.990	51.552	145.000	196.552	162.000	358.552	195.438	3,93	18,42
-	Công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng	1.227.370	1.380.203	141.563	335.000	476.563	425.000	901.563	478.640	12,45	45,90
-	Dịch vụ	Triệu đồng	976.536	1.072.780	150.535	260.000	410.535	295.000	705.535	367.245	9,86	35,68

